

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

RECTOR
OF VIETNAM MARITIME UNIVERSITY
has conferred
THE DEGREE OF BACHELOR
ENGLISH LANGUAGE
Majoring in English Language

BẢN SAO
COPY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
cấp
BẰNG CỬ NHÂN
NGÔN NGỮ ANH
Chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

Upon: **Mr. Nguyen Anh Tuan**

Date of birth: 06 November 1981

Year of graduation: 2019

Degree of classification: Good

Mode of study: Part-time

Cho: **Ông Nguyễn Anh Tuấn**

Ngày sinh: ngày 06 tháng 11 năm 1981

Năm tốt nghiệp: 2019

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Sao từ sổ gốc tại Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Hai Phong, 21 May 2019

Hải Phòng, ngày 21 tháng 05 năm 2019



TS. Nguyễn Khắc Khiêm

Số hiệu bằng gốc: VMUB003913

Số vào sổ cấp bằng: 190496-VB2

Số hiệu bản sao: 3913



Họ và tên / Full Name: **Nguyễn Anh Tuấn**
Mã sinh viên / Student ID: **776737**
Ngành đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**
Degree Program: **English Language**
Hình thức / Mode of Study: **Vừa làm vừa học / Part-time**

Ngày sinh / Date of Birth: **06/11/1981**
Thời gian học / Time of Study: **2017-2019**
Chuyên ngành: **Ngôn ngữ Anh**
Majoring in: **English Language**
Trình độ / Degree: **Cử nhân / Bachelor**

No	Mã HP/ Subject ID	Tên học phần	Subject title	Tín chỉ/ Credits	Điểm/ Grade	
1	25309	Viết luận nâng cao	Advanced writing	3	7.8	B
2	25310	Thuyết trình nâng cao	Speech Communication	3	8.2	B+
3	25311	Thực hành Biên dịch 1	Translation 1	3	7.5	B
4	25320	Ngữ âm học và âm vị học tiếng Anh	Phonetics and Phonology in English	2	7.0	B
5	25303	Ngữ âm tiếng Anh thực hành	English Pronunciation in Use	3	7.0	B
6	25306	Lý thuyết dịch	Theory of Translation	2	8.4	B+
7	25201	Kỹ năng Nghe hiểu 1	Listening Skill 1	2	7.6	B
8	25211	Kỹ năng Nói 1	Speaking Skill 1	2	7.1	B
9	25221	Kỹ năng Đọc hiểu 1	Reading Skill 1	2	7.0	B
10	25231	Kỹ năng Viết 1	Writing Skill 1	2	6.7	C+
11	25202	Kỹ năng Nghe hiểu 2	Listening Skill 2	2	7.5	B
12	25212	Kỹ năng Nói 2	Speaking Skill 2	2	6.5	C+
13	25222	Kỹ năng Đọc hiểu 2	Reading Skill 2	2	7.8	B
14	25232	Kỹ năng Viết 2	Writing Skill 2	2	6.2	C
15	25261	Kỹ năng Tiếng Anh tổng hợp B1	Integrated skills in English B1	3	7.3	B
16	25203	Kỹ năng Nghe hiểu 3	Listening Skill 3	3	7.1	B
17	25213	Kỹ năng Nói 3	Speaking Skill 3	3	6.5	C+
18	25223	Kỹ năng Đọc hiểu 3	Reading Skill 3	3	7.0	B
19	25233	Kỹ năng Viết 3	Writing Skill 3	3	6.1	C
20	25262	Kỹ năng Tiếng Anh tổng hợp B2	Integrated skills in English B2	3	6.5	C+
21	25305	Ngữ pháp học tiếng Anh	English Grammar	4	8.4	B+
22	25204	Kỹ năng Nghe hiểu 4	Listening Skill 4	3	6.9	C+
23	25224	Kỹ năng Đọc hiểu 4	Reading Skill 4	3	7.2	B
24	25263	Kỹ năng Tiếng Anh tổng hợp C1	Integrated skills in English C1	3	7.0	B
25	25315	Thực hành Phiên dịch 1	Interpretation 1	3	7.0	B
26	25312	Thực hành Biên dịch 2	Translation 2	3	7.0	B
27	25316	Thực hành Phiên dịch 2	Interpretation 2	3	6.0	C
28	25319	Chuyên đề dịch	Translation Project	3	6.0	C
29	25313	Thực hành Biên Dịch nâng cao	Advanced translation	3	7.0	B
30	25317	Thực hành Phiên Dịch nâng cao	Advanced Interpretation	3	6.5	C+

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 031340 - Quyển số 01 SCT/BS

Ngày: 13-08-2019

Tổng số tín chỉ / Credits in total: 81

Điểm trung bình tích lũy toàn khóa: 2.82

Cumulative grade-point average: 2.82

Công chứng viên

Phòng Công chứng số 4 thành phố Hồ Chí Minh

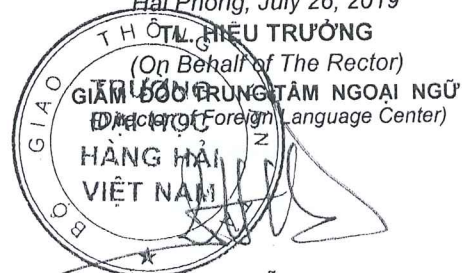
Mã sinh viên / Student ID: **776737**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Degree of Classification: **Good**



Tạ Hoàng Anh



TS. Nguyễn Thị Thi

Ghi chú / Note:

Hệ thống thang điểm tín chỉ được quy định như sau / The grading system is as follows:

Điểm chữ / Grade	A+	A	B+	B	C+	C	D+	D	F
Điểm số / Grade points	4.0	4.0	3.5	3.0	2.5	2.0	1.5	1.0	0
Thang 10 / 10-Scale	9.0-10	8.5-8.9	8.0-8.4	7.0-7.9	6.5-6.9	5.5-6.4	5.0-5.4	4.0-4.9	0.0-3.9